

Bản án số: 197/2024/DS - PT

Ngày: 19-6-2024

V/v: “*Tranh chấp về tài sản thừa kế*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Tào

*Các Thẩm phán:* ông Phạm Tồn

ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2023/TLPT- DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về tài sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1101/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị L (chết)

*Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L::*

1.1. Ông Nguyễn Huy Đ; địa chỉ: A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

1.2. Bà Nguyễn Thị H (chết);

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H:* ông Nguyễn Bảo T, ông Nguyễn Bảo T1, bà Nguyễn Bảo Vân T2, ông Nguyễn Bảo T3; địa chỉ: A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T có mặt; các ông, bà Nguyễn Bảo T1, Nguyễn Bảo Vân T2, Nguyễn Bảo T3, vắng).

1.3. Ông Nguyễn Huy T4; địa chỉ: A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

1.4. Ông Nguyễn Huy H1; địa chỉ: 1 D, quận G, TP .. Vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, ông T1, ông T3, ông T4, ông H1 và bà T2: ông Nguyễn Bảo T; địa chỉ: A N, thị trấn V, huyện V, Khánh Hòa. Có mặt.*

2. Bà Nguyễn Thị N (chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N:*

2.1. Ông Nguyễn Huy P (chết năm 2012) có vợ là bà Nguyễn Thị V; 02 con là Nguyễn Thanh P1 (hiện cư trú NewZeland) và Nguyễn Thị Thanh B. địa chỉ: A đường B, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ty V1.

2.3. Bà Nguyễn Thị N1. Vắng.

2.4. Bà Nguyễn Thị Nguyệt T5. Vắng.

Cùng trú tại: Khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

*Bà T5 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P2 tham gia tố tụng.* Vắng.

2.5. Bà Nguyễn Thị T6 (hiện cư trú tại Hoa Kỳ). Vắng.

3. Ông Nguyễn G, tên gọi khác là Nguyễn Văn D (chết năm 1996)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T7 (chết năm 2014)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T7: Chị Nguyễn Thị Yên N2, Nguyễn Minh Ý và cháu Nguyễn Minh N3, sinh ngày 23/11/2005. Vắng.*

*Người đại diện hợp pháp của cháu N3: Bà Võ Thị Ánh H2. Vắng.*

Cùng địa chỉ: Tổ A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Bà Nguyễn Thị P2. Vắng.

3.3. Bà Nguyễn Thị N4. Vắng.

3.4. Bà Nguyễn Thị P3. Vắng.

3.5. Bà Nguyễn Thị L1. Vắng.

Cùng địa chỉ: 1 đường B, V thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

3.6. Bà Nguyễn Thị M (chết năm 2021)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M:*

- Ông Nguyễn Quốc B1, sinh năm 1984; địa chỉ: G Ấp D, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

- Ông Trịnh Văn P4, sinh năm 1990; địa chỉ: B Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

- Ông Trịnh Văn V2, sinh năm 1992; địa chỉ: B Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng

- Ông Trịnh Văn V3, sinh năm 1994; địa chỉ: B Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

Bà L1, bà N4, bà P3, ông B1, ông V3, ông V2, ông P4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P2 tham gia tố tụng. Vắng.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị M1 (chết năm 2021)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị M1:*

1. Ông Nguyễn Văn C (chết ngày 05/11/2023).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn C:* Bà Huỳnh Thị T8 (vợ) và các con: Nguyễn Thị Thúy D1; Nguyễn Lâm Mạnh K và Nguyễn Phụng Kim H3; cùng địa chỉ: C N, phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

2. Ông Nguyễn Văn H4. Vắng.

3. Bà Nguyễn Thị Minh T9. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Vắng.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc N5. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc T10. Vắng

Cùng địa chỉ: A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9:* Luật sư Hà Khánh V4 - Văn phòng L6, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1942; địa chỉ: A H, N. Vắng.

**2. Ông Phan Kim H5 (chết năm 2006)**

3. Ông Phan Kim H6. Vắng.

4. Bà Phan Thị Kim H7. Vắng.

Cùng địa chỉ: B, V, V, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: thôn Q, V, V, Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn Văn H8. Vắng.

6. Ông Nguyễn Văn T11. Vắng.

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Nguyễn Văn G1; địa chỉ: B G, A, C, Úc. Vắng.

8. Ông Nguyễn Văn M2; địa chỉ: 1 E, M, B, C, Úc. Vắng.

9. Bà Ngô Thị D2, địa chỉ: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng.

*Ông M2, ông G1, ông T11 ủy quyền cho bà Ngô Thị D2 tham gia tố tụng.*

Vắng.

10. Ông Nguyễn Huy X. Vắng.

11. Ông Nguyễn Văn C. Vắng.

12. Ông Nguyễn Văn T12 (chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T12:*

12.1 Bà Trần Thị Đ1. Vắng.

12.2 Cháu Nguyễn Thị Ngọc T13. *Đại diện hợp pháp cho cháu T13:* bà Trần Thị Đ1 (mẹ ruột). Vắng.

13. Ông Nguyễn Văn H4. Vắng.

14. Bà Nguyễn Thị Minh T9. Có mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Vắng.

16. Bà Nguyễn Thị Ngọc N5. Có mặt.

17. Bà Nguyễn Thị Ngọc T10. Vắng.

18. Ông Nguyễn Văn V5. Vắng.

19. Ông Nguyễn Văn B2. Vắng.

20. Bà Nguyễn Thị L3. Vắng.

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

21. Ông Trịnh Văn M3, sinh năm 1957; địa chỉ: B Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

22. Bà Nguyễn Thị Q (chết năm 2013); địa chỉ: tổ dân phố G, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Q:*

22.1. Ông Châu H9, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố G, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng.

22.2. Ông Châu Duy T14, sinh năm 1981, địa chỉ: tổ dân phố G, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng.

22.3. Bà Châu Thị Kim H10, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ dân phố E, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. vắng.

22.4. Ông Châu Trung H11, sinh năm 1991, địa chỉ: tổ dân phố G, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng.

Ông H9, ông H11, ông T14 và bà H10 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P2 tham gia tố tụng. Vắng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/1992 (các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn G, Nguyễn Thị N) và tại phiên tòa, ông Nguyễn Bảo T - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy H1, ông Nguyễn Huy Đ, ông Nguyễn Huy T4 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L) trình bày:*

Nguồn gốc nhà và đất tranh chấp tọa lạc tại số A N, thị trấn V, huyện V có diện tích đất 157,5m<sup>2</sup> (hiện gia đình bà Trần Thị M1 đang sử dụng) là của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị N6 tạo lập.

Cụ B3 và cụ N6 có 05 người con là Nguyễn X1, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu N7 và Nguyễn Thị L. Năm 1936 cụ B3 chết; năm 1967 cụ N6 chết đều không để lại di chúc.

1. Ông Nguyễn X1 (chết năm 1945) có vợ là bà Phù Thị B4 (không rõ năm chết): có 02 người con là Nguyễn G và bà Nguyễn Thị L4 (chết không rõ năm).

1.1. Ông Nguyễn G (chết năm 1996), có vợ bà Phan Thị M4 (chết năm 1975). Ông G và bà M4 có 08 người con gồm: Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị P3, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H12 (chết khi chưa có vợ, con), Nguyễn Văn T7 (chết năm 2014), có vợ Võ Thị Ánh H2, đã ly hôn và 03 con Nguyễn Thị Yến N2, Nguyễn Minh Ý và Nguyễn Minh N3 và bà Nguyễn Thị Q (chết không rõ năm), có chồng ông Châu H9 và có 03 con gồm Châu Duy T14, Châu Trung H11 và Châu Thị Kim H10.

1.2. Bà Nguyễn Thị L4 (chết không rõ năm), có chồng Phan Kim H5 (chết năm 2006), có 02 người con là Phan Kim H6 và Phan Kim H7.

2. Ông Nguyễn Văn Đ2 (chết năm 1945), có vợ là Châu Thị K1 (chết năm 1957); có 02 người con là Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Văn Đ3.

3. Bà Nguyễn Thị N (chết năm 1995), chồng ông Nguyễn L5 (chết năm 1965); có 05 người con gồm: Nguyễn Thị T15, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị Nguyệt T5 và Nguyễn Huy P (chết năm 2012), có vợ Nguyễn Thị V và 02 con là Nguyễn Thanh P1 và Nguyễn Thị Thanh B.

4. Ông Nguyễn Hữu N7 (chết năm 1989), có vợ bà Nguyễn Thị N5 (chết năm 1992); có 01 con là Nguyễn M5 (chết năm 1966). Ông M5 có vợ là bà Ngô Thị D2 và 04 con là Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn T11, Nguyễn Văn H8 và Nguyễn Văn M2.

5. Bà Nguyễn Thị L (chết năm 1996), có chồng Nguyễn L5 (chết); có 05 người con chung gồm: Nguyễn Huy X (đã chết, không xác định được những người thừa kế của ông X, không rõ địa chỉ), ông Nguyễn Huy Đ, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Huy T4 và bà Nguyễn Thị H (chết), có chồng ông Nguyễn H13 (chết); có 04 con chung gồm: Nguyễn Bảo T, Nguyễn Bảo T1, Nguyễn Bảo T3 và Nguyễn Bảo Vân T2.

Sinh thời, cụ B3 và cụ N6 tạo lập được một mảnh đất thổ cư diện tích khoảng 180m<sup>2</sup>, có mặt tiền giáp đường lộ Trần Hưng Đ4, chiều rộng khoảng 6m, chiều dài 30m, trên đất có căn nhà tranh (nay là số A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa). Năm 1964, ông Nguyễn Hữu N7 là người ở trên nhà đất này, thấy nhà xuống cấp nên được sự đồng ý của cụ Sử Thị N6 và của cả gia tộc nên có cho bà Trần Thị T16 (bà L1) thực 50.000đồng với thời hạn 15 năm. Ông N7 sử dụng số tiền này xây dựng lại căn nhà ngói có mặt tiền 5m, dài ra sau 8 mét. Có họa đồ vị trí ngày 29/10/1964 đứng tên bà Sử Thị Nghi. Sau khi xây cất xong, bà T16 có sử dụng mặt tiền căn nhà kinh doanh tiệm vàng. Đến năm 1975, do bà T16 có nhà nên trả lại nhà cho ông N7 trước thời hạn. Vào tháng 5/1975 gia đình ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Trần Thị M1 từ C về có xin gia tộc cho ở nhờ tạm trên căn nhà này. Khi ông Đ3 còn sống không có tranh chấp gì xảy ra; sau khi ông Đ3 chết, bà M1 có ý định chiếm đoạt căn nhà và tự ý sử dụng căn

nhà theo ý riêng của mình mà không hỏi ý kiến của những người thừa kế tài sản khác của cụ B3 và cụ N6, nên bà L, bà N, ông G và bà D2 làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 theo quy định pháp luật.

Đối với việc bà M1 cho rằng có đưa tiền cho ông Nguyễn Hữu N7 để mua căn nhà này là không có căn cứ vì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Ông xác nhận trong thời gian gia đình bà M1 sống tại đây, có xây dựng thêm một số công trình và sửa chữa cải tạo lại phần nhà từ đường.

Ông yêu cầu Tòa giải quyết chia di sản thừa kế nhà và đất tại 137 N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ năm 2023, đồng ý theo diện tích đất đo vẽ thực tế là 157,5 m<sup>2</sup>. Ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Việc giao nhà đất cho ai do Tòa xem xét. Đối với phần thừa kế của bà L thì đề nghị Tòa chia theo pháp luật cho các con của bà L theo quy định. Riêng kỹ phần của bà H được hưởng từ bà L, ông không yêu cầu chia mà để các anh em trong gia đình cùng nhận chung giá trị. Và đồng ý phần nào gia đình bà M1 làm thêm thì không tính vào di sản thừa kế.

*Bà Nguyễn Thị P2 (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn G và người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn Thị P3, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Quốc B1, Trịnh Văn v, Trinhg Văn V6, Trịnh văn P5, Châu hạnh, Châu Duy T14, Châu Trung H11 và Châu Thị Kim H10) trình bày:*

Bà được các chị em bà gồm Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị P3, Nguyễn Thị L1, chồng và các con của bà Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M ủy quyền tham gia tố tụng. Cha mẹ bà là ông Nguyễn G chết năm 1996 và Phan Thị M4 chết trước cha bà, không nhớ rõ thời gian. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp và những người thừa kế, bà thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Bảo T. Bà đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị N6 theo pháp luật nhưng không đồng ý tính công sức cho gia đình bà M1. Kỹ phần kế của cha bà được hưởng từ cụ B3 và cụ N6, bà yêu cầu chia theo pháp luật cho tất cả các con của ông G, phần bà và các chị em bà yêu cầu được nhận giá trị. Đối với phần của bà Nguyễn Thị Q (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị M (chết năm 2021) yêu cầu Tòa chia theo pháp luật cho các con và chồng của bà Q và các con của bà M. Bà thống nhất diện tích đo vẽ và giá đất theo bản vẽ tháng 6 năm 203 và biên bản định giá ngày 20/6/2023.

*Bà Nguyễn Thị Nguyệt T5, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà là con của bà Nguyễn Thị N. Mẹ bà Nguyễn Thị N và cha không rõ có 05 người con: Nguyễn Huy P (chết), Nguyễn Thị T15, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T6 và bà. Cha mẹ bà chết đều không để lại di chúc. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp là của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị Nghi. Bà đồng ý chia di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 theo pháp luật. Bà xin nhận giá trị phần của mẹ bà được hưởng.

*Ông Hồ Ngọc N8, đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N5 trình bày:* Về nguồn gốc tài sản tranh chấp nhà đất tọa lạc tại số A N, thị trấn V, huyện V có diện tích đất 157,5m<sup>2</sup> là của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị N6 khi còn sống tạo lập được. Năm

1974, bà M1 có đưa cho ông Nguyễn Hữu N7 50.000đồng tiền Việt Nam Cộng Hòa để đưa cho bà T16 (bà L1), sau đó năm 1975 ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Trần Thị M1 có mua lại nhà đất này của ông Nguyễn Hữu N7 với giá 200.000đồng. Ông N7 có đưa cho vợ chồng bà M1 họa đồ vị trí ngày 29/10/1964 đứng tên bà Sử Thị Nghi. Mặc dù không có tài liệu, giấy tờ nào xác nhận việc ông N7 bán đất cho bà M1, ông Đ3 nhưng thực tế do phong tục tập quán của người Việt Nam thời kỳ đó thì nhà đất thường để lại cho con trai, cụ N6 cũng đã dọn hết tất cả đồ đạc giao nhà cho ông N7 từ trước năm 1964, ông N7 xây dựng nhà nên có thể xem như nhà đất này cụ N6, cụ B3 đã giao cho ông Nguyễn Hữu N7 nên ông N7 đã chuyển nhượng cho bà M1, ông Đ3 vào năm 1975, với tổng cộng số tiền là 250.000đồng. Từ năm 1975 gia đình bà M1 cùng các con về ở tại nhà đất này từ đó đến nay. Trong quá trình ở tại nhà đất này, bà M1 có sửa chữa cải tạo xây dựng thêm 01 số công trình trên đất, đóng thuế đất và thế chấp ngân hàng vay vốn làm ăn, không ai có ý kiến gì, đến năm 1992 mới xảy ra tranh chấp. Điều đó cho thấy nhà và đất không còn là di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N9 nên bà N5 không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn. Ông Đ3 và bà M1 có 08 người con gồm Nguyễn Văn T12 (chết), có vợ Trần Thị Đ1 và con Nguyễn Thị Ngọc T13, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Minh T9, Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Thái B5 (chết chưa vợ con) và bà M1, ông Đ3 đều không để lại di chúc. Hiện tại trên phần nhà đất tranh chấp các con bà M1 cùng các cháu đang ở. Trong trường hợp nếu Tòa chia di sản thừa kế thì yêu cầu tính công sức bảo quản gìn giữ di sản thừa kế cho bà Trần Thị M1 tương ứng với 01 kỷ phần. Bà N5 xin nhận hiện vật và thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác theo giá của Hội định giá ngày 20/6/2023 và theo diện tích đo vẽ tháng 6/2023 của Tòa.

*Bà Nguyễn Thị Ngọc N5, người người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị M1 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông N8 và xác nhận phần diện tích 65,4m<sup>2</sup> (phần nhà 1 trên bản vẽ hiện trạng nhà) là nhà cũ có từ thời ông N7 xây dựng trước đó. Quá trình ở mẹ bà có xây dựng sửa chữa cải tạo làm lại một số công trình trên phần nhà này. Ông Nguyễn Văn T12 chết năm 2014, còn em Nguyễn Thái B5 chết năm nào không rõ nhưng chết sau cha bà Nguyễn Văn Đ3. Đối với những phần còn lại gồm nhà kho, sân, nhà 2 mái che là bà bỏ tiền ra xây dựng. Bà xin nhận hiện vật và thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác theo giá của Hội định giá ngày 20/6/2023 và theo diện tích đo vẽ tháng 6/2023 của Tòa án.

*Bà Nguyễn Thị Minh T9, Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc Q, người người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị M1 trình bày:* Thống nhất theo ý kiến của ông N8 và bà N5. Chỉ bổ sung hiện tại, có vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thị L3 cùng hai con Nguyễn Văn V5 và Nguyễn Văn B2, bà Trần Thị Đ1, cháu Nguyễn Ngọc T13 hiện đang ở trên nhà đất tranh chấp tại A N, thị trấn V, huyện V.

*Bà Võ Thị Ánh H2, người giám hộ cho cháu Nguyễn Minh N3 (kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T7) trình bày:* Về nguồn gốc của tài sản tranh chấp, người thừa kế, hàng thừa kế... bà không có ý kiến. Bà thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Bảo T chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn B3 và Sử

Thị N6 theo quy định pháp luật. Kỳ phần thừa kế của các con bà được hưởng từ cha ông Nguyễn Văn T7, các con bà và ông T7 xin nhận giá trị.

*Bà Nguyễn Thị Yên N2 trình bày:* Cha mẹ bà là Nguyễn Văn T7 (chết năm 2014) và mẹ là Võ Thị Ánh H2 có 3 người con gồm bà, Nguyễn Minh Ý và Nguyễn Minh N3. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp bà không rõ. Nếu Tòa chia di sản thừa kế cụ B3 và cụ N6 mà phần của cha bà được hưởng bà và các em yêu cầu được nhận bằng giá trị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim H7 trình bày:* Mẹ bà là Nguyễn Thị L4, chết năm 1974, cha bà là Phan Kim H5, chết năm 2006. Cha mẹ bà có 02 người con là Phan Kim H6 và Phan Thị Kim H7. Ông H6 ra khỏi nhà và mất liên lạc từ năm 1984 đến nay nên không biết ông H6 còn sống hay đã chết. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế của cụ B3 và cụ N6, ý kiến bà đồng ý chia và yêu cầu được nhận giá trị.

*Bà Ngô Thị D2 trình bày:* Nhà và đất tại số A N, thị trấn V, huyện V có diện tích đất 157,5m<sup>2</sup> (hiện gia đình bà Trần Thị M1 đang sử dụng) là của cụ Nguyễn B3 và Sử Thị N6 tạo lập được khi còn sống. Cụ B3 và cụ N6 có 05 người con là Nguyễn X1, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu N7 và Nguyễn Thị L. Cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Hữu N7 (chết năm 1989) và Nguyễn Thị N5 (chết năm 1992) có 01 người con là chồng bà ông Nguyễn M5 (chết năm 1966). Ông N7, bà N5 và ông M5 chết đều không để lại di chúc. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 theo pháp luật.

*Ông Nguyễn Văn H8 trình bày:* Ông là con của ông Nguyễn M5 và bà Ngô Thị D2. Cha ông là Nguyễn M5 chết năm 1966 không để lại di chúc, chết trước ông nội Nguyễn Hữu N7, trong trường hợp Tòa chia di sản thừa kế của cố Nguyễn B3 và Sử Thị N6, đối với kỳ phần thừa kế của cha ông lẽ ra khi còn sống được hưởng ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu nhận giá trị.

*Bà Nguyễn Thị V trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Huy P (chết năm 2012 không để lại di chúc). Vợ chồng bà có 02 con là Nguyễn Thị Thanh B và Nguyễn Thanh P1, hiện không xác định được địa chỉ. Bà đồng ý chia di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 để lại theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Kỳ phần của chồng bà được hưởng, mẹ con bà yêu cầu nhận giá trị .

*Bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày:* Bà đồng ý chia di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 để lại theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Kỳ phần của cha ông P được hưởng, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho mẹ bà và hai chị em bà theo pháp luật, mẹ con bà yêu cầu nhận giá trị .

*Bà Nguyễn Thị L3 trình bày:* Bà cùng chồng ông Nguyễn Văn H4, hai con Nguyễn Văn V5 và Nguyễn Văn B2 có ở trên tài sản tranh chấp tại 137 N, thị trấn V, huyện V. Bà thống nhất theo lời khai của bà N5, bà T9 và ông N8, gia đình bà chỉ ở trên nhà đất chứ không có bỏ tiền ra xây dựng sửa chữa gì. Nếu Tòa chia di sản thừa kế thì bà đề nghị tòa giao nhà đất cho bà N5 được quản lý, sử dụng, sở hữu.

*Bà Trần Thị Đ1 trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T12, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T13, ông T12 không có con



riêng. Năm 2014, ông T12 chết. Hiện bà và cháu T13 đang ở trên nhà đất tranh chấp. Bà cũng thống nhất theo ý kiến của ông N8, bà T9, bà N5 không đồng ý chia thừa kế nhà đất tại 137 Nguyễn Huệ nêu trên. Nếu Tòa chia thừa kế thì phần của chồng bà nếu còn sống được hưởng thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, mẹ con bà xin nhận giá trị.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:***

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn G, Nguyễn Văn D (chết), bà Nguyễn Thị N (chết), bà Nguyễn Thị L (chết) về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản là nhà đất*”.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị N6 là thửa đất 111, tờ bản đồ số 10, có diện tích lại 157,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại địa chỉ A N, thị trấn V, huyện V theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 08/6/2023 và phần nhà có diện tích 65,4m<sup>2</sup> theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 08/6/2023, có giá trị 3.514.330.577đồng.

3. Xác định các ông, bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu N7 và Nguyễn Thị L là người thừa kế theo pháp luật của ông cụ Sử Thị N6 và cụ Nguyễn Bung .1 Ông Nguyễn X1, Nguyễn Văn Đ2 là người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Bung .1 Ông Nguyễn Văn Đ3, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn G, bà Nguyễn Thị L4 là thừa kế thế vị của cụ Sử Thị Nghi .

4. Bà Trần Thị M1 (chết) được hưởng công sức giữ gìn bảo quản và tôn tạo di sản thừa kế tương ứng 01 kỹ phần thừa kế theo pháp luật của cụ B3 và cụ N6 có giá trị 585.721.762đồng.

5. Chia hiện vật:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N5 được quyền sử dụng và sở hữu tài sản là thửa đất 111, tờ bản đồ số 10, có diện tích lại 157,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại địa chỉ A N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (trong đó diện tích quy hoạch giao thông 26,3m<sup>2</sup> và 131,2m<sup>2</sup> quy hoạch đất ở) và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất gồm: phần nhà trước, diện tích 65,4m<sup>2</sup> có cấu trúc: tường gạch, mái ngói-tôn, trần thạch cao, nền lát gạch 60x60 + phần nhà sau, diện tích 53,9m<sup>2</sup>, có cấu trúc tường gạch mái lợp tôn, trần thạch cao, nền lát gạch + phòng kho, diện tích 29,8m<sup>2</sup> có cấu trúc tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng + sân xi măng có diện tích 8,4m<sup>2</sup> (Có bản vẽ hiện trạng nhà ngày 06/8/2023 và trích địa chính thửa đất lập ngày 06/8/2023 kèm theo). Bà Nguyễn Thị Ngọc N5 có

quyền liên hệ các cơ quan chức năng để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

6. Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Nguyễn Thị Ngọc N5 có nghĩa vụ thanh toán lại cho những người thừa kế khác theo quy định cụ thể như sau:

- Ông Phan Kim H6 và bà Phan Thị Kim H7 mỗi người là 146.430.000đồng.

Do ông H6 hiện không xác định được địa chỉ nên phần của ông H6 được hưởng tạm giao cho bà Phan Thị Kim H7 quản lý.

- Bà Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị P3, Nguyễn Thị L1 mỗi người là 41.837.000đồng.

- Các cháu Nguyễn Thị Yên N2, Nguyễn Minh N3 và Nguyễn Minh Ý mỗi cháu là 13.945.000đồng.

- Ông Châu H9, Châu Duy T14, Châu Trung H11, bà Châu Thị Kim H10 mỗi người là 10.459.000đồng.

- Ông Nguyễn Quốc B1, Trịnh Văn P4, Trịnh Văn V2 và Trịnh Văn V3 mỗi người 10.459.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị T15, bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị T6 và Nguyễn Thị Nguyệt T5 mỗi người 117.144.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh B và Nguyễn Thanh P1 mỗi người là 39.048.000đồng. Phần của bà Nguyễn Thị Thanh P6 sẽ tạm giao cho bà Nguyễn Thị V quản lý.

- Ông Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn T11, Nguyễn Văn H8 và Nguyễn Văn M2 mỗi người là 146.430.000đồng.

- Ông Nguyễn Huy X, Nguyễn Huy Đ, Nguyễn Huy H1, Nguyễn Huy T4 mỗi người 117.144.000đồng. Phần của ông Nguyễn Huy X tạm giao cho ông Nguyễn Huy Đ quản lý.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Bảo T, Nguyễn Bảo T1, Nguyễn Bảo T3 và Nguyễn Bảo Vân T2 số tiền 117.144.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L2 292.860.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Minh T9, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc Q mỗi người là 125.511.000đồng.

- Bà Trần Thị Đ1 là 16.270.000đồng.

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc T13 là 109.241.000đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2023, các ông bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị M1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4; nhận thấy:

[1.1]. Về diện hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất về diện hàng thừa kế như án sơ thẩm đã xác định và không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[1.2]. Về xác định di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn khi còn sống, gồm các ông, bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N và Nguyễn G và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đều xác định thửa đất tranh chấp trước đây thuộc Đại lộ T, thị trấn V, huyện V do cụ Nguyễn B3 và Sử Thị N6 tạo lập được. Khoảng năm 1960, ông Nguyễn Hữu N7 thấy nhà xuống cấp nên được sự đồng ý của cụ Sử Thị N6 và của cả gia tộc nên có xây dựng lại căn nhà phía trước và cho bà Nguyễn Thị T17 (bà L1) thuê 20 năm. Có họa đồ vị trí ngày 29/10/1964 đứng tên cụ Sử Thị Nghi. Năm 1967, cụ N6 chết thì đến năm 1975 bà T17 có trả lại nhà cho ông N7. Tháng 5/1975, gia đình ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Trần Thị M1 từ C về không có chỗ ở nên có xin gia tộc cho ở nhờ tạm trên căn nhà này. Sau khi ông Đ3 chết, bà M1 và các con bà M1 tiếp tục ở trên nhà đất tranh chấp. Sau đó, do mở rộng đường N nên có giải tỏa một phần đất phía trước nên diện tích đất của cụ B3 và cụ N6 để lại hiện nay còn lại 157,5m<sup>2</sup> theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 08/6/2023. Toàn bộ diện tích đất này là đất ở đô thị, ranh giới thửa đất ổn định đến nay không thay đổi.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn xác nhận toàn bộ diện tích 157,5m<sup>2</sup> hiện gia đình của bị đơn bà Trần Thị M1 quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ B3 và cụ N6 khi còn sống tạo lập được. Năm 1974, ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Trần Thị M1 có đưa cho ông N7 50.000 đồng để ông N7 trả tiền cho bà L1 (người thuê nhà). Năm 1975, ông Đ3 và bà M1 tiếp tục đưa thêm 200.000 đồng cho ông N7 để mua nhà đất nói trên và ông N7 có đưa họa đồ vị trí ngày 29/10/1964 đứng tên cụ Sử Thị N6 (bản chính) cho ông Đ3, bà M1. Gia đình bị đơn đến ở và quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay. Quá trình ở tại đây, bà M1 có bỏ tiền ra sửa chữa xây dựng năm nào không rõ, có làm đơn xác nhận địa phương và đóng thuế đất cũng như thế chấp để vay tiền làm ăn. Đến năm 2017, do nhà xuống cấp, gió, bão làm hư hỏng và sụp đổ một số công

trình nên bà Nguyễn Thị Ngọc N5 bỏ tiền ra xây dựng và sửa chữa thêm một phần. Điều đó cho thấy nhà đất này không còn là di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6 mà là tài sản của bà M1 và ông Đ3 nên không đồng ý chia di sản thừa kế.

Xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất tài sản tranh chấp có nguồn gốc là của cụ B3 và cụ N6 tạo lập được khi còn sống (có Hợp đồng vị trí xác nhận ngày 29/10/1964 của Việt Nam C đứng tên cụ Sử Thị N6).

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị T17 (bà L1) ngày 13/10/1995 (Bút lục 124): Năm 1964, ông Nguyễn Hữu N7 có gặp bà và nói đưa cho ông 40.000 đồng để ông xây cất nhà chỗ đất bà già ông, ông sẽ cho bà mượn 20 năm để trừ tiền. Sau đó, bà có đến gặp mẹ ông N7 hỏi ý kiến thì mẹ ông N7 đồng ý; họ hàng thân tộc của ông N7 cũng đều đồng ý. Sau đó, bà có tiếp tục đưa thêm 10.000 đồng để làm cửa. Bà thuê nhà trừ dần mỗi năm 2.000 đồng vào số tiền 40.000 đồng. Đến năm 1975, bà có nhà khác nên trả lại nhà cho ông N7 và không yêu cầu khiếu nại gì gia tộc ông N7 việc hoàn lại tiền.

Đối với lời trình bày của bà M1 cho rằng khi ông N7 còn sống, chồng bà có đưa cho ông N7 50.000 đồng để trả cho bà L1 (bà Nguyễn Thị T17) vào năm 1964 và sau đó đưa thêm 150.000 đồng cho ông N7 năm 1975 để mua nhà đất này. Tuy nhiên, không có tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh việc bán nhà và nhận tiền giữa ông Đ3, bà M1 với ông N7, chỉ có lời khai của bà Nguyễn Thị L2 cho rằng có nghe ông Đ3 đưa tiền cho ông N7 nhưng không biết tiền gì và đưa vào thời gian nào, đưa bao nhiêu. Do đó, không có căn cứ xác định nhà và đất tranh chấp đã được ông Nguyễn Hữu N7 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Trần Thị M1. Trường hợp có việc ông N7 bán nhà đất cho bà M1, ông Đ3 như bà M1 trình bày cũng không đúng pháp luật vì một mình ông N7 không có quyền định đoạt di sản của cụ N6 và cụ B3.

Về diện tích thửa đất: Theo Bản trích đo địa chính thửa đất lập ngày 08/6/2023 có diện tích 157,5m<sup>2</sup>; các đương sự đều không có ý kiến gì về nội dung này.

Về phần nhà: Tất cả các đương sự đều thống nhất phần nhà trước có diện tích là 65,4m<sup>2</sup> là nhà từ đường cũ được xây dựng khoảng năm 1964 được bà M1 cải tạo lại như làm cửa sắt sơn tường làm trần thạch cao, lát gạch men, làm cửa nhôm kính... còn diện tích các phần còn lại là do bà N5 xây dựng mới từ năm 2017.

Xét thấy, mặc dù cụ B3 chết năm 1936 nhưng phần công trình xây dựng năm 1964 là từ số tiền bà Nguyễn Thị T17 đưa cho ông N7 để xây dựng nhà và sau đó có trừ vào tiền thuê nhà hàng năm (từ năm 1964 đến năm 1975) nên xác định phần công trình xây dựng trên đất (nhà từ đường cũ có diện tích là 65,4m<sup>2</sup>) được bà M1 cải tạo, sửa chữa lại là di sản thừa kế của cụ B3 và cụ N6.

[2]. Từ những phân tích trên, nhận thấy án sơ thẩm xác định thửa đất 111, tờ bản đồ số 10, có diện tích lại 157,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại 137 N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 08/6/2023 và phần nhà có diện tích 65,4m<sup>2</sup> theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 08/6/2023 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn B3 và cụ Sử Thị N6 (cụ B3 và cụ N6 chết không để lại

di chúc) và chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn; đồng thời trích công sức trong việc giữ gìn, tôn tạo và bảo quản di sản thừa kế cho bà Trần thị M6 bằng 01 kỷ phần thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9, Nguyễn Văn H4 kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí phúc thẩm: Các ông bà Nguyễn Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Ngọc N5, Nguyễn Thị Minh T9 và Nguyễn Văn H4 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010272; 0010273; 0010274; 0010275 ngày 21/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (do Hồ Ngọc N8 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Tào**